

Số: /QĐ-VNH

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước
6 tháng đầu năm 2026**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý I năm 2026 đã được phê duyệt ngày 10/4/2026, quý II năm 2026 đã được phê duyệt ngày 6/7/2026;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản trị - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các nội dung sau:

- Công khai dự toán thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 đã được Đại học Quốc gia Hà Nội giao (Biểu số 02).
- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 (Biểu số 03).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản trị - Tổng hợp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

VIỆN TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hg2.

Phạm Đức Anh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 /2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN

Chương: 044

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6 561 328 900
I	Nguồn ngân sách trong nước	5 040 000 000
1	Chi quản lý hành chính	2 700 000 000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2 700 000 000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2 340 000 000
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2 340 000 000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	2 340 000 000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	1 521 328 900
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6 561 328 900	2 690 000 000	41%	103%
I	Nguồn ngân sách trong nước	5 040 000 000	2 190 000 000	43%	103%
1	Chi quản lý hành chính	2 700 000 000	1 950 000 000	72%	90%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	2 340 000 000	240 000 000	10%	541%
3	Chi sự nghiệp GD, đào tạo, dạy nghề	-			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ	1 521 328 900	500 000 000	33%	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				